

Số: /BC-BCĐ

Đại Sơn, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025
(Từ ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến ngày 29 tháng 11 năm 2025)

Phần I

BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Tình hình địa phương

Xã Đại Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã Đại Sơn, Hưng Đạo, Bình Lăng và một phần diện tích tự nhiên của xã Thanh Hải (Thanh Hà cũ). Toàn xã có diện tích tự nhiên gần 23 km², với dân số 29.950 người, chia thành 11 thôn.

Xã Đại Sơn có nhiều thuận lợi để phát triển: Có tuyến đường tỉnh 391 chạy qua, hệ thống kênh mương, bến bãi ven sông Thái Bình tạo điều kiện cho vận chuyển hàng hóa, giao thương, phát triển kinh tế; diện tích và dân số tương đối thuận lợi, nhân lực và hạ tầng đang được nâng cấp. Về kinh tế - xã hội, xã đã đạt tốc độ tăng trưởng tốt, tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn mức trung bình, đời sống nhân dân ngày càng cải thiện.

Đời sống nhân dân không ngừng được nâng lên, bộ mặt nông thôn được đổi thay nhanh chóng. Cả 11 thôn trong xã đều đạt và giữ vững danh hiệu làng văn hóa về an ninh trật tự; 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn, 90% hộ dân đã sử dụng internet. 100% hộ dân đã sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 93% người dân đã tham gia các loại hình bảo hiểm y tế. 9/10 trường trên địa bàn xã đã đạt chuẩn Quốc gia. Trình độ dân trí ngày được nâng cao; tình hình an ninh, chính trị, trật tự xã hội đảm bảo.

Đảng ủy, HĐND, UBND xã đều nhận thức đúng về vai trò của sự nghiệp giáo dục đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

2. Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh, giáo viên, nhân viên

2.1. Mạng lưới trường lớp

Toàn xã có 3 trường Mầm non, 4 trường Tiểu học và 3 trường THCS, hệ thống trường lớp được phân bố tương đối hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn.

Số lượng phòng học cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy - học.

Trang thiết bị dạy học được bổ sung, tuy nhiên vẫn thiếu một số hạng mục thiết bị đồng bộ để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. *Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

Đội ngũ cán bộ quản lý có chuyên môn vững, nắm chắc quy định, triển khai tốt các nhiệm vụ năm học.

Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng so với quy mô trường lớp, cơ cấu bộ môn tương đối hợp lý, 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định. Giáo viên tích cực tham gia bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới phương pháp dạy học. trách nhiệm trong công việc, đoàn kết, nhiệt tình trong công tác.

Nhân viên văn thư, kế toán, y tế, thư viện... đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Sau khi nhận được các văn bản hướng dẫn, Nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, UBND xã đã thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục, xóa mù chữ của xã chỉ đạo các trường triển khai kịp thời, photo các tài liệu chuyên môn, chuyển cho bộ phận trực tiếp làm và lưu ở Ban chỉ đạo. Thực hiện triển khai trực tiếp các văn bản sau đến các cán bộ làm công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

- Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị;

- Nghị quyết số 218/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua và có hiệu lực từ ngày 26/6/2025 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC); Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Kế hoạch số 51/KH- BCD ngày 11/9/2025 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ- xây dựng xã hội học tập (PCGD, XMC-XDXHHT) xã Đại Sơn về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Công tác tuyên truyền, vận động về thực hiện PCGD và XMC được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ và hiệu quả. Các hoạt động chính bao gồm:

- Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, website địa phương, các buổi sinh hoạt tổ dân phố, thôn/xóm về vai trò, ý nghĩa của PCGD và XMC.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... để vận động người dân cho con em đến trường đúng độ tuổi; vận động người lớn chưa biết chữ tham gia học lớp XMC.

- Tuyên truyền trực tiếp tới hộ gia đình, đặc biệt là những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình dân tộc thiểu số, trẻ có nguy cơ bỏ học, nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ sách vở, dụng cụ học tập cho học sinh nghèo, góp phần hạn chế tình trạng bỏ học.

- Tăng cường ứng dụng mạng xã hội để lan tỏa thông tin về giáo dục, hướng dẫn phụ huynh theo dõi học tập của trẻ.

Nhờ công tác tuyên truyền diễn ra liên tục và có trọng điểm, nhận thức của người dân về ý nghĩa của công tác PCGD - XMC ngày càng được nâng cao.

3. Quá trình thực hiện công tác PCGD, XMC

Công tác PCGD - XMC được triển khai theo đúng kế hoạch, đảm bảo các bước sau:

- Khảo sát, rà soát đối tượng: Rà soát trẻ trong độ tuổi từ 0- 60 tuổi; cập nhật dữ liệu lên hệ thống PCGD; Thống kê số người chưa biết chữ hoặc tái mù chữ trong độ tuổi XMC.

- Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên: Tập huấn cho giáo viên phụ trách PCGD tại các trường được hướng dẫn sử dụng hệ thống dữ liệu PCGD - XMC.

4. Hoạt động của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC

Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng:

- Xây dựng kế hoạch phổ cập xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình thực hiện PCGD - XMC tại địa phương; kịp thời tháo gỡ khó khăn.

- Chỉ đạo các trường học rà soát hồ sơ, cập nhật số liệu lên phần mềm PCGD bảo đảm chính xác và đầy đủ.

Nhìn chung, Ban Chỉ đạo đã hoạt động tích cực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ trên địa bàn.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm, có kinh nghiệm trong công tác PCGD và XMC.

- Hệ thống trường lớp được đầu tư, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy - học; nhiều điểm trường được sửa chữa, nâng cấp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, cập nhật dữ liệu PCGD - XMC ngày càng thuận lợi, chính xác.

2. Khó khăn

- Một số hộ gia đình còn khó khăn kinh tế, cha mẹ đi làm ăn xa nên chưa quan tâm sát sao đến việc học của con.

- Phần mềm phổ cập chưa đồng bộ với đối tượng học sinh học Cao đẳng, đại học và TCCN.

- Nhân lực phụ trách công tác Giáo dục ở UBND xã còn hạn chế, kiêm nhiệm nhiều công việc (từ tháng 9/2025 mới có 01 cán bộ biệt phái có chuyên môn về Giáo dục).

Phần II

KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT/BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Quyết định số 1387/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2016 của Bộ GD&ĐT về việc đính chính Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy định, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Căn cứ Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 08/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 51/KH-BCĐ ngày 11/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025; Quyết

định số 839/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Đại Sơn về việc tự kiểm tra công nhận kết quả PCGD, XMC; Căn cứ Biên bản kiểm tra; Kết quả PCGD, XMC của xã Đại Sơn năm 2025 đạt được như sau:

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường: 100 %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày: 100 %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần: 100 %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể nhẹ cân: 0,46 %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể thấp còi: 0,69 %
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non: 100%
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 0%
- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 753, ra lớp: 233; Tỷ lệ: 0,31% trong đó trẻ học tại địa bàn là 225 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 08 trẻ
- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 1036 , ra lớp: 1017; Tỷ lệ: 98% trong đó trẻ học tại địa bàn là 958 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 59 trẻ.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: 02; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 0; Tỷ lệ: 0%
- Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi được hưởng chế độ: 01 trẻ
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi được hưởng chế độ: 02 trẻ

*** Kết quả: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi**

2. Phổ cập giáo dục tiểu học

- Tổng số trẻ 6 tuổi huy động vào lớp 1: 431/431
- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 2024 - 2025): 459/471, đạt tỷ lệ: 97,45%
- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2024- 2025): 1904/1916 đạt tỷ lệ 99,37%. Trong đó số trẻ em 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 448/448; Tỷ lệ: 100%
- Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở Tiểu học: 12 HS chiếm tỷ lệ: 2,56
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn: 13 em, trong đó số trẻ khuyết tật 11-14 tuổi được tiếp cận giáo dục: 8 ; Tỷ lệ: 61,5%

*** Kết quả: Đạt chuẩn phổ cập GDTH Mức độ 3**

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 1.438; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2024-2025): 1.397; Tỷ lệ 97,15%.

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 1.348; Tỷ lệ 93,34%.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 11; Tỷ lệ trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: 11; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 0

- Số lớp PCGD THCS: 49

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 32, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 15; Tỷ lệ: 65,22%

- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề đạt 93,39%.

*** Kết quả: Đạt chuẩn phổ cập GDTHCS Mức độ 3**

4. Kết quả TN THCS, vào lớp 10 hệ THPT, GDTX, học nghề

- Tổng số học sinh TN THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học 2024-2025): 370 đạt tỷ lệ 100%;

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025 vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề 361 chiếm tỷ lệ 97,56% (trong đó vào học lớp 10 THPT: 194; Tỷ lệ: 53,74%, học lớp 10 GDTX, THPT 164, tỷ lệ 45,43%, học nghề 03, tỷ lệ 0,83%).

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học 2024-2025): 317/317; Tỷ lệ: 100%;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21: 1.412; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN: 1.256; Tỷ lệ 88,95%.

5. Công tác xóa mù chữ

5.1. Huy động người trong độ tuổi tham gia lớp xóa mù chữ

- Số lớp xóa mù chữ: 0

- Số học viên tham gia: 0

5.2. Công tác phối hợp

- Phối hợp với Hội khuyến học: Huy động nguồn lực hỗ trợ học sinh khó khăn trao học bổng, trao quà...; Vận động người dân tham gia các hoạt động học tập suốt đời; Hỗ trợ hiệu quả cho công tác duy trì sĩ số và chống bỏ học.

- Phối hợp với Công an: Hỗ trợ nắm chắc hộ khẩu - nhân khẩu phục vụ rà soát dữ liệu PCGD - XMC, giữ vững an ninh trật tự tại các khu vực trường học, an toàn trên không gian mạng, củng cố trường an toàn... Tuyên truyền và vận động các hộ gia đình đưa trẻ đến lớp đầy đủ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan:

+ Các đoàn thể phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền và vận động.

+ Trạm y tế khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, hỗ trợ giữ chuyên cần.

+ Phòng VH&XH hỗ trợ thống kê trẻ có hoàn cảnh đặc biệt.

5.3. Kết quả đạt được

a) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 3.839 trong đó:

- *Đối với mức độ 1*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 3.838, đạt tỉ lệ: 99,97%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 01, chiếm tỉ lệ: 0,03%

- *Đối với mức độ 2*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 3.837, đạt tỉ lệ: 99,95%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 01, chiếm tỉ lệ: 0,05%

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 7.654 trong đó:

- *Đối với mức độ 1*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 7.649 , tỉ lệ: 99,93%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 05, tỉ lệ: 0,07%

- *Đối với mức độ 2*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 7.644, tỉ lệ: 99,87%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 05, tỉ lệ: 0,13%

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 16.659 trong đó:

- *Đối với mức độ 1*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 16.632 , tỉ lệ: 99,84%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 27, tỉ lệ: 0,16

- *Đối với mức độ 2*

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 16.604 , tỉ lệ: 99,67%

+ Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 28 , tỉ lệ: 0,33%

*** Kết quả: xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2**

6. Điều kiện đảm bảo theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT

6.1. Cơ sở vật chất

6.1.1. Các trường Mầm non:

- Có 59 phòng học/59 lớp phòng học kiên cố. Phòng học dành cho lớp mẫu giáo 5 tuổi có 15 phòng, 15/15 phòng học 5 tuổi đều đảm bảo diện tích bình quân theo quy định của tiêu chuẩn phổ cập, đều có công trình vệ sinh khép kín thuận tiện đảm bảo vệ sinh, an toàn, sạch sẽ, thoáng mát; có môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, công trình vệ sinh; nhà bếp;

- Có 15/15 lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ danh mục đồ dùng, đồ chơi theo quy định, các nhóm lớp khác cơ bản có đủ danh mục đồ dùng tối thiểu, có đủ 5 đồ chơi ngoài trời theo quy định.

6.1.2. Các trường Tiểu học:

- Có 81 phòng học/76 lớp, phòng học kiên cố đạt tỉ lệ phòng học/lớp là 1,08; có đầy đủ phòng học, phòng chức năng phục vụ cho việc dạy và học.

- Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

6.1.3. Các trường THCS:

- Có 49 phòng học/49 lớp phòng học kiên cố đạt tỉ lệ 1 lớp/1 phòng học; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm; Trường THCS có đầy đủ các phòng học bộ môn và khu phục vụ học tập.

- Sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

(Có phụ lục báo cáo cơ sở vật chất đính kèm)

6.2. Kinh phí: Kinh phí bố trí cho công tác PCGD, XMC năm 2025 là 50 triệu đồng.

6.3. Về đội ngũ Giáo viên

Đội ngũ giáo viên của các đơn vị trường học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn về trình độ đào tạo, có tinh thần trách nhiệm đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của địa phương. Tổng số cán bộ quản lý: 24 người, đảm bảo về số lượng. Nhân viên trong các trường học cơ bản đủ về số lượng để đáp ứng nhu cầu công việc của đơn vị.

Bảng tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuyên môn năm 2025.

Giáo viên	Tổng số	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Giáo viên đạt chuẩn nghề Nghiệp	Tỉ lệ GV/lớp
Mầm non	120	120		120	2,04
Tiểu học	109	104		109	1,43
THCS	78	77	1	75	1,59

(Có các phụ lục đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

- Sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các ban ngành, đoàn thể trong công tác phổ cập giáo dục. Công tác điều tra, cập nhật dữ liệu trên phần mềm phổ cập được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình.

- Mạng lưới trường lớp ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh ở các độ tuổi.

- Nhận thức của phụ huynh về việc đưa trẻ đến trường được nâng lên; phong trào xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp cao, duy trì sĩ số tốt; học sinh bỏ học giảm rõ rệt.

- Đội ngũ giáo viên và nhân viên đảm bảo chuyên môn, tích cực thực hiện nhiệm vụ, cập nhật hồ sơ phổ cập đầy đủ.

- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, tạo thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng dạy - học.

2. Tồn tại, hạn chế

- Cơ sở vật chất chưa đồng bộ; một số phòng học, phòng chức năng còn thiếu hoặc xuống cấp ảnh hưởng đến hoạt động dạy học.

- Một bộ phận phụ huynh đi làm xa, dẫn đến khó khăn trong việc huy động học sinh ra lớp đầy đủ, nhất là ở cấp mầm non

- Đội ngũ giáo viên một số môn còn thiếu, gây ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và chuẩn phổ cập về trình độ học sinh.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCGD, XMC NĂM 2026

I. MỤC TIÊU CHUNG

Xác định rõ trách nhiệm của Đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ phổ cập - XMC: đưa vào chương trình hoạt động thường xuyên của Đảng ủy, HĐND từng kỳ họp, từng khóa. Giữ vững, nâng cao kết quả phổ cập:

- Đưa hoạt động của các hội như: Hội Cha mẹ học sinh, hội Khuyến học... vào nền nếp để hỗ trợ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch PCGD, XMC hàng năm phù hợp, phát huy được sức mạnh của các tổ chức như: Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh..., sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công tác tuyên truyền giáo dục ý thức học tập nâng cao trình độ các em học sinh. Trung tâm học tập cộng đồng xã mở các lớp dạy nghề cho toàn dân, đồng thời hỗ trợ cho công tác PCGD, XMC của địa phương.

- Làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với địa phương, ngành giáo dục để tăng cường hơn nữa cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học trên địa bàn toàn xã.

- Nêu cao vai trò hoạt động của đoàn thanh niên, công đoàn, đội TNTP Hồ Chí Minh, hội khuyến học, hội CTĐ, hội CMHS trong việc vận động nhân dân tham gia đóng góp chăm lo cơ sở vật chất cho các nhà trường làm tốt công tác giáo dục đạo đức hạn chế học sinh bỏ học.

- Xây dựng cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp.

- Xây dựng và hoàn thiện các nền nếp dạy và học, tích cực đổi phương pháp giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

- Tiếp đẩy mạnh cuộc vận động mỗi giáo viên chủ nhiệm là một chuyên trách phổ cập của lớp mình.

- Duy trì hoạt động thư viện có hiệu quả để đảm bảo nhu cầu phục vụ sách báo, tài liệu học tập, giảng dạy.

- Tham khảo học hỏi thêm kinh nghiệm của các đơn vị khác về công tác PCGD, XMC để nâng cao hiệu quả.

- Quan tâm tạo điều kiện học tập cho các em thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo không để học sinh bỏ học vì không đủ điều kiện học tập.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3-5 tuổi

- Huy động trẻ 3-5 tuổi đến trường đạt: 100%.

- Duy trì 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

- Duy trì đảm bảo đủ số lượng giáo viên dạy lớp 5 tuổi theo quy định

1.2. Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ III

- Số học sinh khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 100%.

- Duy trì tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100 %

- Duy trì tỷ lệ trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 99,5 - 100%

- Duy trì tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 99 - 100%

- Tăng tỉ lệ đội ngũ giáo viên trên chuẩn, giáo viên/lớp, đồng bộ cơ cấu.

1.3. Phổ cập giáo dục THCS mức độ III

- Duy trì tỉ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100% .

- Duy trì tỉ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tuổi TNTHCS: 99,3 - 100%

- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình GDPT hoặc GDTX hoặc GD nghề Nghiệp: 97% trở lên

- Duy trì tỉ lệ đội ngũ giáo viên trên chuẩn, giáo viên/lớp, đồng bộ về cơ cấu.

1.4. Công tác xóa mù chữ mức độ II

- Duy trì Tỷ lệ số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 100%

2. Giải pháp

- Hoàn thành tốt các loại hồ sơ sổ sách và các biểu mẫu theo qui định. Nhập số liệu phần mềm Phổ cập đúng thời gian quy định.

+ Tháng 5 đến hết tháng 8 cập nhật danh sách Tốt nghiệp lớp 9 vào sổ phổ cập. Nắm chắc các đối tượng bỏ học, học sinh thi lại tham mưu với BGH về việc tổ chức ôn tập và thi lại, tham mưu với BCĐ PCGD, XMC về việc vận động học sinh ra lớp, điều tra bổ sung các đối tượng phổ cập.

+ Tháng 9,10 cập nhật danh sách học sinh đang học ở các trường vào sổ phổ cập, thống kê các loại biểu mẫu THCS, XMC.

+ Tháng 11 đến tháng 12 rà soát các số liệu.

- Tham mưu với BGH các nhà trường về việc duy trì sĩ số và biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường để duy trì tốt công tác PCGD THCS, XMC ở địa phương.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, Đảng viên và nhân dân địa phương về nhiệm vụ phổ cập giáo dục.

- Có chính sách phù hợp động viên cá nhân, tập thể trực tiếp làm phổ cập.

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể địa phương cùng với nhà trường làm tốt công tác phổ cập giáo dục.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Phần mềm cần đồng bộ thông tin học tập của sinh viên có địa chỉ thường trú tại xã Đại Sơn đang học tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học để số liệu được chính xác tuyệt đối.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCGD, XMC năm 2025, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC xã Đại Sơn kính gửi Ban Chỉ đạo thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT thành phố;
- Ban chỉ đạo PCGD, XMC thành phố;
- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, BCĐ PCGD, XMC xã;

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Thị Minh Huệ**